

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HSST
Ngày 16/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hữu Khánh

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí huyện C.

Ông Nguyễn Văn Mầm

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí huyện C.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Nguơn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2020/HSST ngày 21 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử số: 11/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988; tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn K (1953) và bà Hồ Thị V (1954); vợ Nguyễn Thị Út E (1987) và 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt và tạm giam ngày 23.5.2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trần Hải T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 31.12.2019 Đ đi đám tại nhà chị Nguyễn Thị P ở ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Đ ra phía sau nhà của chị P thấy 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 9T 128 màu xanh ánh băng của anh Trần Hải T đang nằm dưới nền gạch gần bộ ván nơi anh T đang nằm ngủ nên nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại để sử dụng. Đ dùng tay phải lấy điện thoại bỏ vào túi quần phía trước đang mặc trên ngư ời rồi đi về nhà. Khi về nhà, Đ lấy điện thoại trộm được chỉnh chế độ im lặng rồi b ỏ vào túi quần đang treo trên sào quần áo để cất giấu.

Đến ngày 02.01.2020 Đ đem điện thoại lấy trộm của anh T đến cửa hàng điện thoại di động Duy Xuân do chị Bùi Mộng N làm chủ thuê mở khóa với giá 300.000 đồng. Chiều cùng ngày Đ trở lại cửa hàng với một thanh niên tên L để lấy điện thoại nhưng chủ cửa hàng nói không mở được nên Đ nhờ chủ cửa hàng tháo 02 sim ném bỏ trước cửa hàng điện thoại, còn điện thoại đem về nhà cất giấu.

Sau khi mất điện thoại, anh T có đi tìm và định vị nhưng không tìm được điện thoại. Đến ngày 06.01.2020 anh T định vị được vị trí cuối cùng điện thoại ở cửa hàng điện thoại Duy Xuân nên trình báo công an. Qua điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra xác định được Đ là người thuê mở khóa điện thoại của anh T nên mời về làm việc, Đ thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS, ngày 12.01.2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 9T 128 màu xanh ánh băng còn 70% giá trị x 8.300.000 đồng = 5.810.000 đồng.

- 02 sim điện thoại còn 100% giá trị x 50.000 đồng = 100.000 đồng.

- Ốp lưng không tính giá trị.

Tổng cộng là 5.910.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 20 tháng 4 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Phía bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 14 giờ ngày 31.12.2019 Đợi dùng lúc anh T ngủ say đã có hành vi len lút lấy trộm một điện thoại di động hiệu Xiaomi 9T 128 màu xanh ánh băng trị giá 5.810.000 đồng, 02 sim điện thoại trị giá 100.000 đồng, ốp lưng không tính giá trị; tổng cộng là 5.910.000 đồng với mục đích để sử dụng cho cá nhân. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo không chỉ vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa P; gây tâm lý lo âu cho người dân trong việc quản lý tài sản.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không thuộc trường hợp để áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình

điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Tuy nhiên, trong thời gian bị cáo được tại ngoại thì Ủy ban nhân dân xã Đ có kiến nghị về việc thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo, do bị cáo thường xuyên tụ tập với thanh thiếu niên tại địa phương tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đi khỏi nơi cư trú mà không có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo thành người tốt và nhằm mục đích răn đe cho toàn xã hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T đã nhận lại tài sản là điện thoại di động hiệu Xiaomi 9T 128 màu xanh ánh băng và ốp lưng điện thoại. Đối với 02 sim điện thoại bị cáo đã bẻ gãy, anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với người thanh niên tên L chạy xe chở bị cáo đến cửa hàng để lấy điện thoại, trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra xác định không liên quan vụ án nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu số tiền là 200.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ 06(Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt và tạm giam ngày 23.5.2020.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí số tiền là 200.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Trần Hải T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CAND huyện C;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng